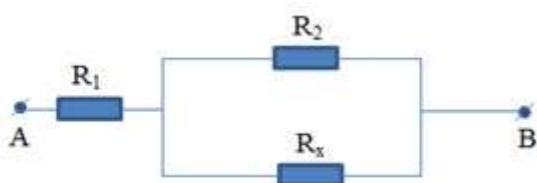


Câu 1. Điện trở tương đương của đoạn mạch AB có sơ đồ như trên hình vẽ là $R_{AB} = 10 \Omega$, trong đó các điện trở $R_1 = 7 \Omega$; $R_2 = 12 \Omega$. Hỏi điện trở R_x có giá trị nào dưới đây?

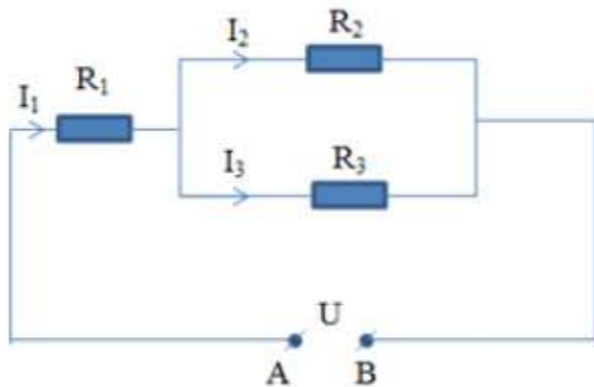


- A. 9Ω
- B. 5Ω
- C. 15Ω
- D. 4Ω

Câu 2. Điện trở $R_1 = 6 \Omega, R_2 = 9 \Omega, R_3 = 15 \Omega$ chịu được dòng điện có cường độ lớn nhất tương ứng là $I_1 = 5A, I_2 = 2A, I_3 = 3A$. Hỏi có thể đặt một hiệu điện thế lớn nhất là bao nhiêu vào hai đầu đoạn mạch gồm 3 điện trở mắc nối tiếp với nhau?

- A. $45V$
- B. $60V$
- C. $93V$
- D. $150V$

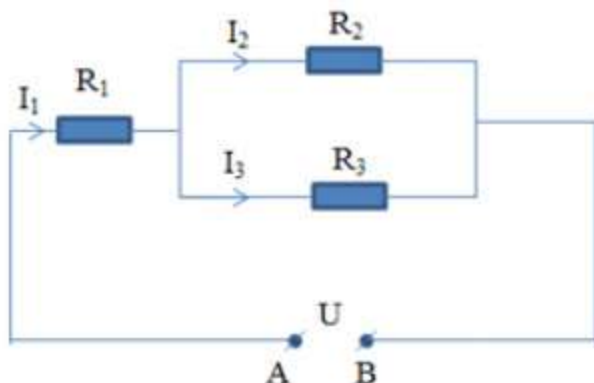
Câu 3. Cho mạch điện có sơ đồ như hình vẽ:



Trong đó điện trở $R_1 = 14 \Omega, R_2 = 8 \Omega, R_3 = 24 \Omega$. Dòng điện đi qua R_1 có cường độ là $I_1 = 0,4A$. Tính cường độ dòng điện I_2, I_3 tương ứng đi qua các điện trở R_2 và R_3 .

- A. $I_2 = 0,1A; I_3 = 0,3A$
- B. $I_2 = 3A; I_3 = 1A$
- C. $I_2 = 0,1A; I_3 = 0,1A$
- D. $I_2 = 0,3A; I_3 = 0,1A$

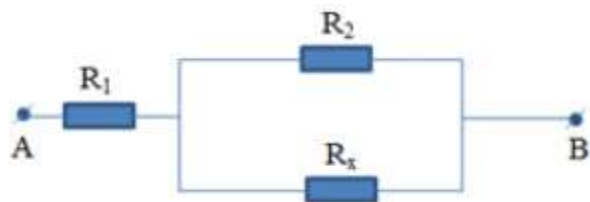
Câu 4. Cho mạch điện có sơ đồ như hình vẽ:



Trong đó có các điện trở $R_1 = 9\Omega$, $R_2 = 15\Omega$, $R_3 = 10\Omega$. Dòng điện đi qua R_3 có cường độ là $I_3 = 0,3A$. Tính hiệu điện thế U giữa hai đầu đoạn mạch AB .

- A. 6,5V
- B. 2,5V
- C. 7,5V
- D. 5,5V

Câu 5. Điện trở tương đương của đoạn mạch AB có sơ đồ như trên hình vẽ là $R_{AB} = 10\Omega$, trong đó các điện trở $R_1 = 7\Omega$; $R_2 = 12\Omega$. Hỏi điện trở R_X có giá trị nào dưới đây?



- A. 9Ω
- B. 5Ω
- C. 15Ω
- D. 4Ω

Câu 6. Chọn biến đổi đúng trong các biến đổi sau:

- A. $1k\Omega = 1000\Omega = 0,01M\Omega$
- B. $1M\Omega = 1000k\Omega = 1.000.000\Omega$
- C. $1\Omega = 0,001k\Omega = 0,0001M\Omega$
- D. $10\Omega = 0,1k\Omega = 0,00001M\Omega$

Câu 7. Đặt một hiệu điện thế ($U = 12V$) vào hai đầu một điện trở. Cường độ dòng điện là ($2A$). Nếu tăng hiệu điện thế lên ($1,5$) lần thì cường độ dòng điện là

- A. 3A
- B. 1A
- C. 0,5A
- D. 0,25A

Câu 8. Đặt vào hai đầu một điện trở (R) một hiệu điện thế ($U = 12V$), khi đó cường độ dòng điện chạy qua điện trở là ($1,2A$). Nếu giữ nguyên hiệu điện thế nhưng muốn cường độ dòng điện qua điện trở là ($0,8A$) thì ta phải tăng điện trở thêm một lượng là

- A. $4,0\Omega$
- B. $4,5\Omega$
- C. $5,0\Omega$
- D. $5,5\Omega$

Câu 9. Khi đặt hiệu điện thế ($4,5V$) vào hai đầu một dây dẫn thì dòng điện chạy qua dây này có cường độ ($0,3A$). Nếu tăng cho hiệu điện thế này thêm ($3V$) nữa thì dòng điện chạy qua dây dẫn có cường độ là:

- A. $0,2A$
- B. $0,5A$
- C. $0,9A$
- D. $0,6A$

Câu 10. Chọn phát biểu đúng. Nội dung định luật Ôm là:

- A. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỉ lệ với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn và tỉ lệ với điện trở của dây
- B. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn và không tỉ lệ với điện trở của dây
- C. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn và tỉ lệ nghịch với điện trở của dây
- D. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỉ lệ nghịch với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn và tỉ lệ thuận với điện trở của dây

Câu 11. Biểu thức đúng của định luật Ohm là:

- A. $I=RU$
- B. $I=UR$
- C. $U=IR$
- D. $U=RI$

Câu 12. Khi hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn tăng thì:

- A. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn không thay đổi.
- B. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn giảm tỉ lệ với hiệu điện thế.
- C. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn có lúc tăng, lúc giảm.
- D. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tăng tỉ lệ với hiệu điện thế

Câu 13. Đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn có dạng là:

- A. Một đường thẳng đi qua gốc tọa độ
- B. Một đường cong đi qua gốc tọa độ
- C. Một đường thẳng không đi qua gốc tọa độ
- D. Một đường cong không đi qua gốc tọa độ

Câu 14. Cường độ dòng điện qua bóng đèn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu bóng đèn. Điều đó có nghĩa là nếu hiệu điện thế tăng 1,2 lần thì:

- A. Cường độ dòng điện tăng 2,4 lần.
- B. Cường độ dòng điện giảm 2,4 lần.
- C. Cường độ dòng điện giảm 1,2 lần.
- D. Cường độ dòng điện tăng 1,2 lần

Câu 15. Khi đặt vào hai đầu dây dẫn một hiệu điện thế 6V thì cường độ dòng điện qua nó là 0,5A. Nếu hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn là 24V thì cường độ dòng điện qua nó là:

- A. 1,5A
- B. 2A
- C. 3A
- D. 1A

Câu 16. Điện trở R của dây dẫn biểu thị cho tính gì ?

- A. Tính cản trở dòng điện nhiều hay ít của dây
- B. Tính cản trở hiệu điện thế nhiều hay ít của dây
- C. Tính cản trở electron nhiều hay ít của dây
- D. Tính cản trở điện lượng nhiều hay ít của dây.

Câu 17. Điện trở của dây dẫn nhất định có mối quan hệ phụ thuộc nào dưới đây?

- A. Tỉ lệ thuận với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn
- B. Tỉ lệ nghịch với cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn
- C. Không phụ thuộc vào hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn
- D. Giảm khi cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn giảm

Câu 18. Đơn vị nào dưới đây là đơn vị đo điện trở?

- A. Ôm
- B. Oát
- C. Ampe (A)
- D. Vôn (V)

Câu 19. Cường độ dòng điện chạy qua điện trở ($R=6\Omega$) là (0,6A). Khi đó hiệu điện thế giữa hai đầu điện trở là

- A. 3,6V
- B. 36V
- C. 0,1V
- D. 10V

Câu 20. Mắc một dây dẫn có điện trở ($R=12\Omega$) vào hiệu điện thế (3V) thì cường độ dòng điện qua nó là:

- A. 36A
- B. 4A
- C. 2,5A
- D. 0,25A

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM VẬT LÝ 9 BÀI 6 : BÀI TẬP VẬN DỤNG ĐỊNH LUẬT ÔM

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	D	Câu 11	B
Câu 2	C	Câu 12	D
Câu 3	D	Câu 13	A
Câu 4	C	Câu 14	D
Câu 5	D	Câu 15	B
Câu 6	C	Câu 16	A
Câu 7	A	Câu 17	C
Câu 8	C	Câu 18	A
Câu 9	B	Câu 19	A
Câu 10	C	Câu 20	D